

Bản án số: 645/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ D.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung;

2. Bà Dương Nguyễn Thuỳ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Trương Võ Thuỳ Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Công T, sinh năm 1963; thường trú: tổ 26, AD, phường AB, quận S, thành phố Đ; tạm trú: 121/22 đường LQ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1962; thường trú: tổ 26, AD, phường AB, quận S, thành phố Đ; tạm trú: 121/22 đường LQ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ hợp pháp của bà D: Bà Trần Thiện T1, sinh năm 1991; tạm trú: 121/22 đường LQ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nhận ngày 09/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Công T trình bày:*

Ông Trần Công T và bà Phạm Thị D kết hôn và chung sống có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chính, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/03/1989). Năm 2012, bà D bị tai nạn giao thông làm chấn thương sọ não bị liệt và mất năng lực dân sự từ đó đến nay. Năm 2013, bà D được toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 09/2013/QĐDS-ST ngày 04/11/2013. Từ năm 2012 đến nay bà D bị liệt toàn thân, nằm một chỗ, sống đời sống thực vật, đêm ít ngủ, không nhận thức được mọi thứ xung quanh, sinh hoạt cá nhân không làm chủ được. Do đó một mình ông T phải vừa chăm sóc bà D vừa lo lắng công việc, kinh tế lo cho bà D cùng các con và gia đình, mọi gánh nặng kinh tế đè nặng lên vai ông. Hiện ông đã lớn tuổi sức khỏe yếu, các con đã lớn có thể thay ông chăm sóc cho bà D được. Vì vậy, ông T đề nghị Toà án Quận 11 giải quyết cho ông được ly hôn với bà D để ông có thể làm thủ tục cho các con làm giám hộ cho bà D và để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông T và bà D có 02 con chung tên Trần Thiện T1, sinh ngày 20/06/1991 và Trần Công T2, sinh ngày 23/06/1996 đều đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thiện T1 là người giám hộ đương nhiên của bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:*

Ông Trần Công T, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1962 là cha mẹ ruột của bà T1. Năm 2012, bà D bị tai nạn giao thông làm chấn thương sọ não. Ngày 04/11/2013, Tòa án nhân dân Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 09/2019/QĐDS-ST tuyên bố bà Phạm Thị D mất năng lực hành vi dân sự. Nay cha bà T1 là ông T yêu cầu được ly hôn bà D, bà Tâm là con gái lớn của bà Phạm Thị D đồng ý làm người giám hộ của bà D.

Đối với yêu cầu ly hôn của ông Trần Công T, bà T1 cũng thống nhất với ý kiến của ông T, do bà D bị tai nạn giao thông đến nay hơn 10 năm trời, gia đình đã chăm sóc và chạy chữa đã lâu nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Mẹ bà bị liệt toàn thân, nằm một chỗ, sống đời sống thực vật, không còn nhận thức được mọi thứ thế giới xung quanh, cha bà đã vất vả nuôi cả gia đình, mọi gánh nặng kinh tế đều dồn hết cho cha bà. Nay, cha bà đã lớn tuổi sức khỏe yếu,

bà và em trai bà đều đã trưởng thành có thể chăm sóc cho mẹ bà được, do đó, bà yêu cầu Toà án sớm giải quyết ly hôn cho cha mẹ bà để cha bà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông T và bà D có 02 người con chung là bà Trần Thiện T1, sinh ngày 20/6/1991 và ông Trần Công T2, sinh ngày 23/6/1996 đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: “Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, Thẩm phán xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 24, Điều 51, Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Công T và bà Phạm Thị D chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T yêu cầu ly hôn với bà D, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc một người mất năng lực hành vi dân sự, còn người kia không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con cả là người giám hộ; nếu người con cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con tiếp theo có đủ điều kiện làm người giám hộ là người giám hộ.*”. Vì vậy, Tòa án xác định con cả bà D là bà Trần Thiện T1 là người giám hộ đương nhiên cho bà D có ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà D.

Nguyên đơn và người giám hộ đương nhiên của bị đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

* Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Công T:

Ông Trần Công T và bà Phạm Thị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chính, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/1989. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ngày 04/11/2013, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 09/2013/QĐDS-ST tuyên bố bà Phạm Thị D bị mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ kết quả xác minh ngày 11/7/2024 của Công an Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bà Phạm Thị D, sinh năm 1962, cư trú: 121/22 đường LQ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Công T có 02 người con chung là Trần Thiện T1, sinh ngày 20/6/1991 và Trần Công T2, sinh ngày 23/6/1996 đều đã thành niên.

Căn cứ Khoản 3 Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...*Trong trường hợp một bên vợ, chồng mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì căn cứ vào quy định về giám hộ trong Bộ luật dân sự, Tòa án chỉ định người khác đại diện cho người bị mất năng lực hành vi dân sự để giải quyết việc ly hôn*” và tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc một người mất năng lực hành vi dân sự, còn người kia không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con cả là người giám hộ; nếu người con cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con tiếp theo có đủ điều kiện làm người giám hộ là người giám hộ.*” Do đó, có căn cứ xác định người giám hộ đương nhiên của bà D trong vụ án tranh chấp ly hôn này là con gái lớn của bà D là bà Trần Thiện T1.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà D thì bà Tâm cũng thống nhất với ông T do bà D bị tai nạn giao thông đến nay hơn 10 năm và đã có quyết định tuyên bố bà D bị mất năng lực hành vi dân sự của tòa án quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng từ năm 2013. Nay, bà D bị mất năng lực hành vi dân sự cha bà đã lớn tuổi sức khỏe yếu, bà và em trai có thể chăm sóc cho mẹ bà được, do đó, bà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết ly hôn cho cha mẹ bà để cha bà ổn định cuộc sống.

Căn cứ khoản 3 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định Trong trường hợp có yêu cầu ly hôn do một bên vợ chồng bị bệnh tâm thần mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét

thấy, nguyên đơn ông Trần Công T yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị D và người giám hộ của bà D cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nên có cơ sở chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà D.

- Về con chung: Ông T và bà T1 xác định quá trình chung sống bà D và ông T có 02 người con chung là bà Trần Thiện T1, sinh ngày 20/6/1991 và ông Trần Công T2, sinh ngày 23/6/1996 đều đã thành niên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T và bà T1 (là người giám hộ của bà D) xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà T1 (là người giám hộ của bà D) xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Công T là người cao tuổi nên được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 53 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 24, Điều 51, Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Ông Trần Công T.

Ông Trần Công T được ly hôn với bà Phạm Thị D.

2. Về con chung: Ông T và bà D có 02 người con chung là bà Trần Thiện T1, sinh ngày 20/6/1991 và ông Trần Công T2, sinh ngày 23/6/1996 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Ông Trần Công T là người cao tuổi nên được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND P.Tân Chính, TP.Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ D